TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH N**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 71/2018/QĐST – HNGĐ	*Gia Viễn, ngày 07 tháng 8 năm 2018.*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 81/2018/TLST/HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2018 giữa:
  Nguyên đơn***: Chị*** **Đào Thị M,** sinh năm 1989.
  Địa chỉ: Đường 5 xã, phố M, thị trấn M, huyện G, tỉnh N.
  Bị đơn: ***Anh*** **Trương Đình B,** sinh năm 1988.
  Địa chỉ: Đường 5 xã, phố M, thị trấn M, huyện G, tỉnh N.
- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ Điều 55, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.
- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 7 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 7 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa:

Chị Đào Thị M và anh Trương Đình B.

2. Công nhận sự thoả thuận của chị Đào Thị M và anh Trương Đình B về các vấn đề khác cụ thể như sau:

2.1 Về con chung: Chị *Đào Thị M và anh Trương Đình B* đều thừa nhận vợ chồng có hai con chung, cháu lớn tên là Trương Đình B, sinh ngày 26/6/2010, cháu thứ hai tên là Trương Đình Tr, sinh ngày 02/3/2012. Khi ly hôn, hai bên thống nhất thỏa thuận giao cho chị Đào Thị M là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Trương Đình B. Giao anh Trương Đình B là người trực

tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Trương Đình Tr kể từ tháng 8/2018 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Các bên có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở, không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

2.2 Về tài sản và công nợ chung;

Anh B và chị M đều thừa nhận không có, đều không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản và công nợ. Do vậy, vấn đề tài sản và công nợ chung Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về án phí:

Chị Đào Thị M nhận nộp 150.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị M đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G theo biên lai số: AA/2013/0001081 ngày 03/7/2018. Trả lại cho chị Đào Thị M 150.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện G;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn L, Y, N;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN

NGUYỄN HỮU QUỐC